

Số: /ĐA- SNNMT

Quảng Trị, ngày tháng 4 năm 2026

ĐỀ ÁN

Mở rộng và phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản đạt chuẩn giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

1.1. Bối cảnh phát triển nông nghiệp trong nước và quốc tế

Quảng Trị là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, nằm trên tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây, có vị trí quan trọng trong kết nối giao thương khu vực. Với tổng diện tích rừng 841.224,04 ha, trong đó 596.230,89 ha rừng tự nhiên và 244.993,15 ha rừng trồng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 61,47%, tỉnh có tiềm năng và lợi thế lớn để phát triển kinh tế lâm nghiệp. Điều kiện tự nhiên, khí hậu và tài nguyên đất đai tương đối thuận lợi đã tạo nền tảng cho ngành lâm nghiệp trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Trong những năm qua, lâm nghiệp đã từng bước khẳng định vai trò là ngành kinh tế – kỹ thuật quan trọng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giữ ổn định cảnh quan và giảm thiểu tác động bất lợi của biến đổi khí hậu. Đồng thời, ngành lâm nghiệp cũng đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GRDP của tỉnh, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt là khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sự phát triển bền vững của lâm nghiệp không chỉ thúc đẩy kinh tế địa phương mà còn tạo cơ sở cho phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Đặc biệt, Quảng Trị là địa phương tiên phong của cả nước trong việc phát triển rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC). Hiện nay, tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh đạt gần 53 ngàn ha, trong đó 47.644 ha rừng trồng và 5.356 ha rừng tự nhiên. Diện tích của hộ gia đình, cá nhân tham gia theo hình thức nhóm hộ đạt 32.886 ha (chiếm khoảng 62%), còn lại 20.113 ha thuộc các công ty nông, lâm nghiệp. Theo loại chứng chỉ, VFCS đạt 10.641 ha (khoảng 20%), còn lại 42.359 ha là chứng chỉ FSC.

Tỉnh đã triển khai nhiều chính sách thúc đẩy chuyển đổi mô hình trồng rừng nguyên liệu dăm sang trồng rừng gỗ lớn, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền và liên kết với các dự án quốc tế. Nhờ đó, Quảng Trị trở thành tỉnh đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng chỉ FSC theo mô hình nhóm hộ gia đình, tạo tiền đề quan trọng để nâng cao giá trị kinh tế của rừng trồng. Việc trồng rừng có chứng chỉ FSC đã mang lại nhiều lợi ích rõ rệt như tăng lợi nhuận bình quân ít nhất 5 triệu đồng/ha/năm,

đồng thời nâng giá trị gỗ từ 15–18% thông qua chuỗi liên kết tiêu thụ với các doanh nghiệp chế biến gỗ.

Mặc dù đạt được những kết quả đáng ghi nhận, phát triển kinh tế lâm nghiệp của tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có. Năng suất rừng trồng vẫn còn thấp, chủ yếu sản xuất gỗ nguyên liệu nhỏ phục vụ dăm gỗ, giá trị gia tăng chưa cao. Việc phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn còn hạn chế, trong khi nhu cầu nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ và xuất khẩu ngày càng tăng. Bên cạnh đó, sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn mang tính nhỏ lẻ, manh mún, mức độ áp dụng khoa học – công nghệ còn hạn chế, liên kết chuỗi giữa người trồng rừng với doanh nghiệp chưa chặt chẽ.

Đáng chú ý là tỷ lệ diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là 19,44%¹ còn thấp so với tiềm năng của tỉnh. Hệ thống hợp tác xã lâm nghiệp còn ít, mới chỉ có 6/24 HTX tham gia dịch vụ lâm nghiệp với tổng diện tích rừng khoảng 11.000 ha, chưa phát huy được vai trò liên kết, hỗ trợ các hộ trồng rừng tham gia chuỗi giá trị lâm sản. Trong khi đó, HTX có khả năng đóng vai trò đầu mối tổ chức sản xuất, cung cấp dịch vụ khai thác, sơ chế, vận chuyển và kết nối thị trường, giúp hình thành các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn.

Những hạn chế trên đã làm giảm hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp, hạn chế khả năng tiếp cận các thị trường xuất khẩu có yêu cầu cao về nguồn gốc và chứng chỉ bền vững. Đồng thời, thu nhập của người dân làm nghề rừng chưa thực sự ổn định, chưa tạo động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế rừng theo hướng bền vững.

Trong bối cảnh nhu cầu nguyên liệu gỗ hợp pháp, có chứng chỉ bền vững ngày càng tăng, cùng với định hướng phát triển ngành chế biến gỗ theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế, việc xây dựng Đề án mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng tại tỉnh Quảng Trị là hết sức cần thiết. Đề án sẽ là cơ sở quan trọng để:

- Phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn tập trung, ổn định và bền vững;
- Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của rừng trồng;
- Thúc đẩy liên kết chuỗi giữa người trồng rừng, hợp tác xã và doanh nghiệp chế biến gỗ;
- Mở rộng diện tích rừng trồng có chứng chỉ quản lý bền vững;
- Góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường sinh thái và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Việc xây dựng và triển khai Đề án không chỉ giúp khai thác hiệu quả tiềm năng lâm nghiệp của tỉnh Quảng Trị, mà còn tạo nền tảng quan trọng để phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm gỗ trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với tăng trưởng xanh.

¹ Các công ty 20.113 ha (8,2%), các nhóm hộ 32.886 ha (13,4%)

1.2. Kết quả, bài học kinh nghiệm giai đoạn 2021–2025

Triển khai thực hiện Đề án thí điểm vùng nguyên liệu của giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Quảng Trị đã hình thành được 5 vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có diện tích lớn, đáp ứng cơ bản nguồn nguyên liệu cho các nhà máy sơ chế, chế biến gỗ trên địa bàn và khu vực gồm các vùng nguyên liệu xã Hải Lăng, xã Ái Tử, xã Bến Hải, xã Vĩnh Thủy và xã Cam Lộ với hơn 12 HTX tham gia trực tiếp.

Kết quả các dự án thành phần của Đề án thí điểm giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

a). Kết quả xây dựng Đề án:

Diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn và chuyển hóa từ gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 18.049,6 ha (trong đó diện tích rừng trồng gỗ lớn: 4.250,6 ha; diện tích chuyển hóa từ gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn: 13.799,0 ha); Đã thiết lập được chuỗi liên kết tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC giữa các chủ rừng với doanh nghiệp có chứng chỉ FSC như: Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị, Công ty TNHH MTV gỗ Thu Hằng, Công ty TNHH MTV Nguyên Phong, Công ty TNHH Scansia Pacific, Công ty TNHH Cường Hải, Công ty TNHH Tiến Phong Cam Lộ, ... ký cam kết bao tiêu toàn bộ sản lượng gỗ có chứng chỉ FSC với giá cao hơn với so với giá gỗ không có chứng chỉ từ 10-12%;

b). Kết quả Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu:

- Về hạ tầng giao thông: Hoàn thiện công trình đưa vào sử dụng 05 tuyến đường lâm sinh với tổng chiều dài 14,48 km.

- Về hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm: Hoàn thiện 02 bãi tập kết gỗ với diện tích mỗi bãi 3.000 m² tại 02 xã Hải Lăng và Vĩnh Thủy.

c). Kết quả về tổ chức sản xuất và quản trị vùng nguyên liệu

- Thành lập mới 01 HTX và củng cố, phát triển các HTX có hoạt động dịch vụ lâm nghiệp trên địa bàn.

- Tập huấn nâng cao kiến thức quản lý tài chính, quản lý HTX cho đội ngũ cán bộ quản lý các HTX; Kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ FSC; Kỹ thuật vườn ươm; Ứng dụng chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho hơn 490 lượt cán bộ quản lý và thành viên các HTX.

- Hỗ trợ tư vấn xây dựng hạ tầng cho 06 vườn ươm, mỗi vườn có Diện tích 1.000 m², trong đó: 230 m² nhà ươm cải tiến, 770 m² vườn luyện cây và 100.000 cây mầm mô làm cây giống bố mẹ.

d). Phát triển khuyến nông cộng đồng và truyền thông

Thành lập 10 Tổ khuyến nông cộng đồng với 126 thành viên, bước đầu hoạt động tốt.

e). Phát triển liên kết chuỗi giá trị

Đã hình thành và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC giữa HTX, người dân với các doanh nghiệp như: Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị, Công ty TNHH MTV gỗ Thu Hằng, Công ty TNHH MTV Nguyên Phong, Công ty TNHH Scansia Pacific, Công ty TNHH Cường Hải, Công ty TNHH Tiến Phong Cam Lộ....

1.3. Những tồn tại, hạn chế

- Sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị còn mang tính tự phát, diện tích đất rừng thuộc quyền quản lý của HTX, THT còn thấp so với tổng diện tích rừng trồng.

- Tỷ lệ diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững còn thấp (Nếu chỉ tính riêng diện tích của các HTX, THT và nhóm hộ chỉ đạt khoảng 13,4%).

- Vai trò dẫn dắt chuỗi giá trị của HTX còn hạn chế; mới có 6/24 HTX tham gia FSC.

- Hạ tầng lâm sinh chưa đồng bộ, công tác vận xuất sản phẩm gỗ rừng trồng gặp khó khăn do đường lâm sinh chưa được đầu tư dẫn đến chi phí vận chuyển, logistics cao.

- Chênh lệch giá cả giữa rừng trồng có chứng chỉ với rừng gỗ dăm không có chứng chỉ chưa cao; giá cả phụ thuộc lớn vào thị trường thế giới.

- Tỉnh Quảng Trị thuộc địa bàn có thời tiết, khí hậu khắc nghiệt (hàng năm bị ảnh hưởng nhiều bởi bão lũ gây gãy rừng; hạn hán gây cháy rừng) nên người dân chưa dám đầu tư vào rừng gỗ lớn do yêu cầu về thời gian dài hơn.

- Chưa áp dụng được chính sách Bảo hiểm nông nghiệp đối với sản phẩm gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1.4. Yêu cầu phát triển vùng nguyên liệu trong giai đoạn mới

Duy trì ổn định diện tích rừng trồng, chuyển hóa sản xuất rừng gỗ dăm sang rừng gỗ lớn làm cơ sở hình thành vùng nguyên liệu đạt chuẩn có chứng chỉ, có truy xuất nguồn gốc.

Xây dựng được chuỗi liên kết ổn định giữa doanh nghiệp, HTX, THT và người trồng rừng làm cơ sở phát triển vùng nguyên liệu.

Phát huy hiệu quả của các công trình hạ tầng được đầu tư ở giai đoạn 2022-2026 và những công trình dự kiến đầu tư giai đoạn 2026 – 2035.

Phát huy vai trò của Tổ khuyến nông cộng đồng nhằm hỗ trợ kỹ thuật vườn ươm và cây giống đạt chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng.

1.5. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ các Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 và Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-BNNMT ngày 25/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư công;
- Căn cứ văn bản số 6346/BNNMT-KHTC ngày 04/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;
- Căn cứ Quyết định số 4972/QĐ-BNNMT ngày 24/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án “Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ Hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2026-2030”;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025–2030.

2. Quan điểm xây dựng Đề án

- Phát triển vùng nguyên liệu là nền tảng tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong đó, vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng là một trong những đối tượng cây trồng được ưu tiên phát triển tại tỉnh Quảng Trị nhờ dư địa rất lớn để mở rộng.
- Mở rộng vùng nguyên liệu phải lấy HTX, THT làm trung tâm tổ chức sản xuất và điều phối chuỗi giá trị. Các công ty, doanh nghiệp sản xuất, sơ chế, chế biến gỗ luôn lấy HTX, THT làm đầu mối để xây dựng chuỗi liên kết.
- Doanh nghiệp sơ chế, chế biến gỗ giữ vai trò dẫn dắt thị trường, kết nối giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thông qua vai trò của HTX, THT.
- Nhà nước kiến tạo hạ tầng và thể chế bằng việc lồng ghép các chính sách, nguồn vốn hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển vùng nguyên liệu một cách hiệu quả, bền vững.
- Kết hợp mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm gỗ rừng trồng đảm bảo nguyên tắc không gây mất rừng theo tiêu chuẩn EUDR, không ảnh hưởng đến diện tích rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, tăng diện tích rừng đạt chứng chỉ FSC,...
- Nghiên cứu phát triển thêm các cây trồng có tiềm năng ngoài gỗ rừng trồng đã được triển khai ở giai đoạn 2022-2025 nhằm đa dạng hóa sản phẩm trong vùng nguyên liệu.

3. Mục tiêu Đề án

3.1. Mục tiêu chung giai đoạn 2026–2035

Trên cơ sở kết quả thực hiện Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng giai đoạn 2022–2025, tỉnh Quảng Trị đã bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, thiết lập chuỗi liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp chế biến gỗ và từng bước phát triển rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC). Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng của ngành chế biến gỗ và nâng cao giá trị gia tăng của lâm nghiệp, việc tiếp tục mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu trong giai đoạn tiếp theo là hết sức cần thiết.

a) Về diện tích vùng nguyên liệu đạt chuẩn: Giữ vững ổn định diện tích trồng rừng gỗ lớn đã thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025, đồng thời mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn phục vụ chế biến và xuất khẩu, Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu măng lục trúc trên địa bàn 2 xã Nam Trạch và Hoàn Lão.

b) Về liên kết chuỗi: Tiếp tục xây dựng và củng cố các mô hình liên kết giữa người trồng rừng - hợp tác xã - doanh nghiệp chế biến, đảm bảo bao tiêu sản phẩm ổn định, nâng cao giá trị gỗ rừng trồng và măng lục trúc nhằm giảm thiểu rủi ro thị trường cho người dân.

Hình thành các mô hình chuỗi giá trị lâm sản bền vững, từ cung ứng giống, trồng rừng, chăm sóc, khai thác đến sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

c) Về số lượng và chất lượng hợp tác xã, tổ hợp tác

Phát triển và củng cố hệ thống HTX lâm nghiệp; HTX, THT có rừng làm nòng cốt trong tổ chức sản xuất vùng nguyên liệu. Tăng cường vai trò của HTX, THT trong tổ chức liên kết sản xuất, đại diện cho người trồng rừng ký kết hợp đồng với doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế tập thể trong lĩnh vực lâm nghiệp.

d) Về chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý vùng nguyên liệu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số về diện tích rừng trồng, chủ rừng và sản lượng khai thác.

Áp dụng hệ thống nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng, đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao như EU, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

đ) Về giảm phát thải và phát triển bền vững

Mở rộng thêm diện tích vùng nguyên liệu rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc tương đương).

Tuyên truyền, vận động người dân thay đổi phương thức trồng rừng không đốt nhằm góp phần bảo vệ đất, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao khả năng hấp thụ carbon của rừng.

Thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong ngành lâm nghiệp, tận dụng phụ phẩm gỗ để sản xuất năng lượng sinh khối và các sản phẩm giá trị gia tăng.

Duy trì ổn định diện tích trồng măng lục trúc được trồng theo chứng nhận VietGAP, ISO 22000 và chứng nhận hữu cơ.

e) Về thu nhập và việc làm

Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng thông qua phát triển rừng gỗ lớn và liên kết chuỗi giá trị, phấn đấu tăng thu nhập từ trồng rừng tối thiểu 1,3 – 1,5 lần so với hiện nay.

Tạo thêm việc làm ổn định cho lao động nông thôn trong các khâu trồng rừng, chăm sóc, khai thác, vận chuyển và chế biến gỗ và măng tre. Góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống người dân vùng nông thôn và miền núi, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Trên cơ sở kết quả thực hiện Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng giai đoạn 2022–2025, tỉnh Quảng Trị đã bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, thiết lập chuỗi liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp chế biến gỗ và từng bước phát triển rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC). Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng của ngành chế biến gỗ và nâng cao giá trị gia tăng của lâm nghiệp, việc tiếp tục mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu trong giai đoạn tiếp theo là hết sức cần thiết. Đề án đặt ra các mục tiêu cụ thể như sau:

a) Mục tiêu về diện tích vùng nguyên liệu đạt chuẩn

Giữ vững ổn định diện tích rừng trồng gỗ lớn đã thực hiện trong giai đoạn 2022-2025, đồng thời mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn phục vụ chế biến và xuất khẩu, phấn đấu đến năm 2030 mở rộng thêm khoảng 6.000 ha diện tích vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ FSC hoặc các chứng chỉ tương đương.

Để thực hiện được mục tiêu trên, cần thiết phải xây dựng mới hoàn thành khoảng 48 km đường lâm sinh kết nối trong vùng nguyên liệu làm cơ sở phát triển thêm diện tích vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC.

Xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu tre với diện tích 29 ha, tiến tới mở rộng diện tích lên khoảng 200 ha giai đoạn 2026-2030.

b) Mục tiêu về tỷ lệ liên kết chuỗi

Phấn đấu đến năm 2030 có 15% diện tích rừng trồng trong vùng nguyên liệu được tham gia các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ với doanh nghiệp chế biến gỗ.

Xây dựng và củng cố các mô hình liên kết giữa người trồng rừng – hợp tác xã – doanh nghiệp chế biến, đảm bảo bao tiêu sản phẩm ổn định, nâng cao giá trị gỗ rừng trồng và giảm thiểu rủi ro thị trường cho người dân.

Hình thành tối thiểu 02 mô hình chuỗi giá trị lâm sản bền vững, từ cung ứng giống, trồng rừng, chăm sóc, khai thác đến sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng 01 mô hình liên kết chuỗi giá trị bền vững giữa công ty với các nông hộ trồng măng lục trúc, phấn đấu 100% diện tích trồng măng được tham gia liên kết.

c) Mục tiêu về số lượng và chất lượng hợp tác xã, tổ hợp tác

Phát triển và củng cố hệ thống HTX lâm nghiệp; HTX, THT có rừng làm nòng cốt trong tổ chức sản xuất vùng nguyên liệu, phấn đấu đến năm 2030 thành lập mới

từ 1-2 HTX, THT lâm nghiệp; có 18 HTX, THT tham gia trực tiếp quản lý và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng.

Thành lập mới 02 THT trồng măng lục trúc làm nòng cốt cho mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn 02 thuộc Đề án. Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản trị, điều hành và dịch vụ của HTX, từng bước hình thành các HTX, THT ngành lâm nghiệp có khả năng cung cấp dịch vụ trồng rừng, chăm sóc, khai thác, sơ chế và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường vai trò của HTX, THT trong tổ chức liên kết sản xuất, đại diện cho người trồng rừng ký kết hợp đồng với doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế tập thể trong lĩnh vực lâm nghiệp.

d) Mục tiêu về chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý vùng nguyên liệu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số về diện tích rừng trồng, chủ rừng và sản lượng khai thác.

Phấn đấu đến năm 2030 có 50% diện tích rừng trong vùng nguyên liệu được quản lý bằng bản đồ số (GIS) và có mã số vùng trồng, phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Áp dụng hệ thống nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng, đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao như EU, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Tiếp tục duy trì ổn định 29 ha diện tích trồng măng lục trúc được trồng theo chứng nhận VietGAP, ISO 22000 và chứng nhận hữu cơ; hướng đến 200 ha được chứng nhận đến năm 2030.

đ) Mục tiêu về giảm phát thải và phát triển bền vững

Mở rộng thêm diện tích vùng nguyên liệu rừng trồng của các HTX, THT trong vùng dự án được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc tương đương) khoảng 6.000 ha.

Tuyên truyền, vận động người dân thay đổi phương thức trồng rừng không đốt nhằm góp phần bảo vệ đất, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao khả năng hấp thụ carbon của rừng.

Thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong ngành lâm nghiệp, tận dụng phụ phẩm gỗ để sản xuất năng lượng sinh khối và các sản phẩm giá trị gia tăng.

Xây dựng được 01 mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn tuần hoàn nhằm tận dụng toàn bộ sản phẩm từ măng lục trúc bằng việc đầu tư máy móc, thiết bị để tận thu các sản phẩm từ thân tre, lá tre để sản xuất các sản phẩm có giá trị như phân bón hữu cơ, trà túi lọc,...

e) Mục tiêu về thu nhập và việc làm

Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng thông qua phát triển rừng gỗ lớn và liên kết chuỗi giá trị, phấn đấu tăng thu nhập từ trồng rừng tối thiểu 1,3 – 1,5 lần so với hiện nay.

Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng cho 18 HTX, 09 THT và khoảng 3.685 hộ dân trong vùng dự án được hưởng lợi nhằm tạo thêm việc làm ổn định cho lao động nông thôn trong các khâu trồng rừng, chăm sóc, khai thác, vận chuyển và chế biến gỗ, góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống người dân vùng nông thôn và miền núi, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Vùng nguyên liệu măng lục trúc tạo việc làm ổn định cho 20 lao động thường xuyên, với thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng và khoảng 30-50 công nhân thời vụ cho người dân địa phương mỗi năm.

3.3. Mục tiêu đến năm 2035

- Mục tiêu về diện tích vùng nguyên liệu đạt chuẩn: phấn đấu đến năm 2035 giữ vững ổn định diện tích vùng nguyên liệu của giai đoạn trước và hình thành vùng nguyên liệu ổn định với diện tích khoảng 30.000 ha

- Mục tiêu về tỷ lệ liên kết chuỗi: Phấn đấu có khoảng 18-20% diện tích rừng trồng trong vùng nguyên liệu được tham gia các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ với doanh nghiệp chế biến gỗ.

- Mục tiêu về số lượng và chất lượng HTX: Tiếp tục củng cố và phát triển các HTX, THT tham gia đề án ở giai đoạn 2026-2030, thành lập thêm khoảng 2-3 HTX, THT lâm nghiệp.

- Mục tiêu về chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc: có khoảng 60% diện tích rừng trong vùng nguyên liệu được quản lý bằng bản đồ số (GIS) và có mã số vùng trồng, phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Mục tiêu về giảm phát thải và phát triển bền vững: diện tích vùng nguyên liệu rừng trồng của các HTX, THT được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc tương đương) đạt khoảng 7.000 ha.

- Đến năm 2035 giữ vững tỷ lệ liên kết trồng và tiêu thụ 100% diện tích măng lục trúc để tạo thành vùng nguyên liệu ổn định cho việc sản xuất và chế biến

- Mục tiêu về thu nhập và việc làm: phấn đấu tăng thu nhập từ trồng rừng tối thiểu 1,3 lần so với giai đoạn 2026-2030.

4. Phạm vi, đối tượng thực hiện

4.1. Phạm vi sản phẩm

Tập trung vào phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC trên địa bàn vùng nguyên liệu tỉnh Quảng Trị.

Mở rộng thêm sản phẩm mới tham gia vào đề án giai đoạn 2026 – 2030 là sản phẩm măng lục trúc.

4.2. Phạm vi địa bàn

- Dự án phát triển hạ tầng áp dụng trên các xã: Cồn Tiên, Hải Lăng, Vĩnh Thủy, Hiếu Giang, Triệu Phong, Diên Sanh (tỉnh Quảng Trị).
- Dự án mở rộng sản phẩm măng lục trúc áp dụng trên phạm vi các xã Nam Trạch và Hoàn Lão (tỉnh Quảng Trị).
- Các nội dung dự án khác triển khai thực hiện đối với các HTX, THT có hoạt động trồng rừng, trồng măng lục trúc trên toàn tỉnh.

4.3. Đối tượng tham gia

- Các cơ quan quản lý nhà nước;
- HTX, THT, doanh nghiệp chế biến gỗ, măng lục trúc, các hộ trồng rừng, măng lục trúc trong vùng nguyên liệu.

4.4. Đối tượng hưởng lợi trực tiếp

Khoảng 18 HTX, 09 THT và 3.685 hộ trồng rừng; 01 Doanh nghiệp và 02 THT, 100 lao động địa phương trong vùng nguyên liệu măng lục trúc.

5. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 2026–2030: Đầu tư hạ tầng, máy móc thiết bị, xây dựng vườn ươm, tập huấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý HTX, THT nhằm mở rộng vùng nguyên liệu;
- Giai đoạn 2030–2035: Tiếp tục đầu tư hạ tầng, duy trì ổn định diện tích vùng nguyên liệu giai đoạn 2026-2030; Hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng sản phẩm gỗ rừng trồng đạt chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

PHẦN II. KẾ HOẠCH MỞ RỘNG VÙNG NGUYÊN LIỆU

1. Định hướng

- Mở rộng quy mô diện tích vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC và tương đương ra ngoài các địa bàn trực tiếp hưởng lợi từ dự án.
- Nâng cao chất lượng rừng trồng gỗ lớn, chuyển hóa sản xuất gỗ dăm sang gỗ lớn đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Phát triển liên kết bền vững giữa các doanh nghiệp, HTX, THT và người dân trồng rừng (chế biến, logistics, xuất khẩu).

2. Nội dung thực hiện

2.1. Hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng vùng nguyên liệu

a) Nội dung các nhiệm vụ:

- Đầu tư xây dựng khoảng 48 km đường lâm sinh phục vụ vận chuyển, sản xuất và giao thông nông thôn với tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B, (TCVN 10380:2014); Mặt đường rộng 3,5m; nền đường rộng $B_{nền}=5,0m$; Kết cấu bê tông xi

măng, khe co, khe giãn dọc tuyến và các công trình phụ trợ tại các địa điểm xây dựng; vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng các xã: Côn Tiên, Hiếu Giang, Hải Lăng, Vĩnh Thủy, Triệu Phong, Diên Sanh.

- Phát huy hiệu quả 05 tuyến đường lâm sinh và 02 sân bãi tập kết gỗ đã được đầu tư giai đoạn 2022-2025;

- Đầu tư 01 nhà xưởng; 01 hệ thống sơ chế, chế biến măng, 01 hệ thống nghiền thân tre làm giá thể phân bón hữu cơ, 01 nhà màng, 01 máy nghiền bột lá tre.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện:

- Đề xuất nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường với tổng kinh phí khoảng 129,97 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương:

- Đối ứng của DN, HTX, THT và người dân:

+ Chi phí đối ứng: 4,97 tỷ đồng.

+ Chi phí tự giải phóng mặt bằng (nếu có).

c) Phân công nghiệm vụ các bên:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì triển khai thực hiện các dự án.

- Địa phương: UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các bên liên quan (các sở ngành, UBND các xã; các DN, HTX, THT) hoàn thiện thủ tục pháp lý, bàn giao mặt bằng sạch cho chủ đầu tư thực hiện đúng tiến độ. UBND các xã nhận tiếp nhận bàn giao, xây dựng phương án vận hành, duy tu, bảo trì bảo dưỡng phát huy hiệu quả công trình.

- DN, HTX, THT, người dân: chủ động phối hợp các bên liên quan tự giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch theo yêu cầu của chủ đầu tư để thực hiện dự án.

2.2. Phát triển tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi

a) Nội dung các nhiệm vụ:

- Thành lập mới và củng cố các HTX, THT trong vùng nguyên liệu.

- Tập huấn, hướng dẫn xây dựng và chuẩn hóa hợp đồng liên kết và phát triển các chuỗi liên kết.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì tổ chức tập huấn tối thiểu 07 lớp về chuẩn hóa hợp đồng liên kết và phát triển chuỗi liên kết gỗ rừng trồng với kinh phí ước tính khoảng 700 triệu đồng.

Ngân sách tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ thành lập mới HTX trên địa bàn với tổng kinh phí 100 triệu đồng.

c) Phân công nhiệm vụ các bên:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì tập huấn, hướng dẫn xây dựng các mẫu hợp đồng liên kết, triển khai thực hiện các chính sách về phát triển liên kết theo chuỗi giá trị ngành hàng gỗ rừng trồng.

- Địa phương: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan triển khai tập huấn, hỗ trợ chính sách thành lập mới HTX trên địa bàn.

- Doanh nghiệp, HTX, người dân: cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn đảm bảo chất lượng.

2.3. Phát triển khuyến nông, đào tạo

a) Nội dung các nhiệm vụ:

- Củng cố và phát triển các Tổ khuyến nông cộng đồng:

+ Kiện toàn lại các Tổ khuyến nông cộng đồng tại tất cả các xã trong phạm vi thực hiện Đề án, đảm bảo các tổ khuyến nông cộng đồng có thể hoạt động hiệu quả. Các Tổ KNCĐ được tổ chức lại phải gắn với vùng nguyên liệu, có sự tham gia của đại diện UBND xã, cán bộ khuyến nông xã, đại diện HTX, THT và nông dân sản xuất tiêu biểu, nhằm trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ tổ chức sản xuất và kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm tại cơ sở.

+ Gắn hoạt động của Tổ khuyến nông cộng đồng với các HTX, THT nhằm hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên, liên tục theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng và triển khai các Dự án, kế hoạch khuyến nông cộng đồng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu bền vững; lồng ghép các nội dung chuyển giao kỹ thuật, xây dựng mô hình, đào tạo và truyền thông nhằm hỗ trợ người dân, HTX tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả hệ thống khuyến nông cơ sở thông qua nhân rộng mô hình khuyến nông cộng đồng đã được thành lập giai đoạn 2026 - 2030. Phối hợp với các Trung tâm dịch vụ tổng hợp các xã triển khai tuyên truyền, vận động người dân tham gia Dự án thay đổi phương thức sản xuất, chuyển hóa dần từ sản xuất gỗ dăm sang gỗ lớn, tham gia sản xuất rừng có chứng chỉ FSC.

- Ứng dụng chuyển đổi số trong khuyến nông:

+ Hướng dẫn người dân, HTX sử dụng các công cụ số trong quản lý sản xuất như: nhật ký điện tử, mã số vùng trồng, bản đồ số (GIS).

+ Từng bước số hóa dữ liệu sản xuất, phục vụ truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường.

+ Tăng cường truyền thông, tư vấn kỹ thuật thông qua các nền tảng số, mạng xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả chuyển giao.

- Tăng cường liên kết trong hoạt động chuyển giao kỹ thuật:

+ Thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan khuyến nông, HTX và doanh nghiệp trong chuyên giao kỹ thuật và tổ chức sản xuất.

+ Khuyến khích doanh nghiệp tham gia hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng giống, vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm.

+ Gắn hoạt động khuyến nông với phát triển chuỗi giá trị, đảm bảo sản xuất theo nhu cầu thị trường.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị HTX, THT về kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ FSC, kỹ thuật vườn ươm, Kỹ thuật trồng và chăm sóc măng lục trúc lấy măng; ... theo phương pháp “cầm tay chỉ việc”, gắn với thực hành tại hiện trường.

- Xây dựng 6 vườn ươm cây giống lâm nghiệp đạt chuẩn phục vụ cây giống trồng rừng vùng nguyên liệu:

+ Xây dựng hoàn thành hạ tầng vườn ươm bao gồm: Nhà kho, bể chứa, nhà lưới, vòm che, bạt nylon, hệ thống tưới phun sương.

+ Hỗ trợ 600.000 cây mầm mô để ươm 600.000 bầu cây Keo lai mô: mỗi vườn hỗ trợ 100.000 cây mầm mô vụ ươm đầu tiên.

- Xây dựng và phát triển mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn cây Keo lai mô theo chuỗi giá trị lâm sản bền vững với quy mô 150 ha.

- Hàng năm phân bổ 5 lớp đào tạo, với kinh phí hàng năm khoảng 400 triệu đồng tương đương cả giai đoạn từ 2026 - 2030 là 25 lớp tập huấn

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện:

- Đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 3,95 tỷ đồng, trong đó:

+ Đào tạo, tập huấn: 02 đồng.

+ Hỗ trợ cây mầm mô: 0,45 tỷ đồng.

+ Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn: 1,5 tỷ đồng.

- Đối ứng của Doanh nghiệp, HTX, người dân: 0,45 tỷ đồng.

- Các nguồn huy động khác.

c) Phân công nhiệm vụ các bên:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, chỉ đạo Trung tâm khuyến nông Quốc gia triển khai thực hiện dự án, kế hoạch khuyến nông cộng đồng.

- Địa phương: Trung tâm khuyến nông tỉnh chủ trì phối hợp với các xã hướng dẫn, triển khai dự án phát triển khuyến nông cộng đồng theo yêu cầu của Trung tâm khuyến nông quốc gia, nông dân sản xuất tiêu biểu, nhằm trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ tổ chức sản xuất và kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm tại cơ sở.

2.4. Sản xuất xanh, giảm phát thải

a) Nội dung nhiệm vụ

Tinh tiếp tục mở rộng các mô hình liên kết nhóm hộ, hợp tác xã và doanh nghiệp trong quản lý rừng bền vững, phát triển rừng trồng gỗ lớn, nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo hướng giảm phát thải, tăng khả năng hấp thụ và lưu trữ carbon của rừng. Đồng thời thực hiện truy xuất nguồn gốc gỗ và tuân thủ các quy định của thị trường quốc tế, đặc biệt là quy định của European Union Deforestation Regulation (EUDR) trong sản xuất và xuất khẩu gỗ rừng trồng.

Hiện có 02 đơn vị đang thực hiện đánh giá cấp chứng chỉ rừng cho diện tích 4.813 ha rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân; dự kiến trong Quý II năm 2026, tổng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 57.813 ha. Dự kiến đến năm 2030 có trên 70.000 ha và năm 2035 có trên 80.000 ha rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện:

Nguồn hỗ trợ từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường: hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng, đào tạo, tập huấn kỹ thuật và hệ thống truy xuất nguồn gốc lâm sản. Số tiền ước tính 40 tỷ đồng/80.000 ha được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo kế hoạch.

Ngân sách địa phương: hỗ trợ phát triển rừng trồng gỗ lớn từ nguồn trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng các mô hình trồng rừng đạt chứng chỉ, tuyên truyền và chuyển giao kỹ thuật quản lý rừng bền vững.

Nguồn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân: đầu tư trồng rừng, chăm sóc và quản lý rừng theo tiêu chuẩn chứng chỉ, chi phí đánh giá và duy trì chứng nhận.

Các nguồn huy động hợp pháp khác: chương trình hợp tác quốc tế, các dự án lâm nghiệp bền vững, tín chỉ carbon và các nguồn hỗ trợ phát triển xanh.

c) Phân công nhiệm vụ:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường: ban hành hướng dẫn kỹ thuật, cơ chế chính sách; hỗ trợ nguồn lực triển khai quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.

Địa phương (UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm): tổ chức triển khai kế hoạch phát triển rừng có chứng chỉ; hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng bền vững, quản lý rừng giảm phát thải; hỗ trợ hình thành và phát triển các nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình: thực hiện trồng rừng và quản lý rừng theo tiêu chuẩn chứng chỉ; tham gia liên kết chuỗi giá trị lâm sản; bảo đảm truy xuất nguồn gốc và tuân thủ các quy định về chống mất rừng trong sản xuất, kinh doanh gỗ.

Các tổ chức liên quan: hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác phát triển lâm nghiệp bền vững.

3. Tổng hợp nhu cầu vốn

3.1. Tổng nhu cầu vốn: Dự kiến khoảng 180,14 tỷ đồng

3.2. Cơ cấu nguồn vốn

- Ngân sách Trung ương: 174,62 tỷ đồng

- Ngân sách địa phương lồng ghép: 0,1 tỷ đồng

- Doanh nghiệp, HTX đối ứng: 5,42 tỷ đồng

- Tín dụng và xã hội hóa

- Huy động ODA và hợp tác quốc tế

3.3. Phân kỳ vốn theo năm (*theo phụ lục đính kèm*)

- Năm 2026: 125,5 tỷ đồng

- Năm 2027: 13,92 tỷ đồng

- Năm 2028: 16,16 tỷ đồng

- Năm 2029: 13,42 tỷ đồng

- Năm 2030: 11,14 tỷ đồng

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Đề án chung của cả nước.

- UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kinh tế hợp tác và quản lý chất lượng và các đơn vị liên quan) chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các nội dung, hạng mục (hạ tầng, máy móc, tập huấn, thành lập mới các hợp tác xã và các nội dung khác) của đề án trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát và chỉ đạo UBND các xã cam kết giải phóng mặt bằng của các bên tham gia hưởng lợi từ dự án để triển khai đảm bảo đúng tiến độ. Giao Trung tâm khuyến nông tỉnh chủ trì, phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện dự án và kế hoạch phát triển khuyến nông cộng đồng.

- UBND tỉnh giao UBND các xã nhận tiếp nhận, bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục công trình sau khi hoàn thành; xây dựng phương án vận hành, quản lý, duy tu bảo trì bảo dưỡng nhằm phát huy hết hiệu quả công trình.

- Doanh nghiệp tiêu thụ chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ: Hợp đồng liên kết thu mua gỗ nguyên liệu, các sản phẩm từ măng lục trúc có chứng chỉ với các HTX, THT để phục vụ chế biến, xuất khẩu.

- Các HTX, THT tham gia dự án cam kết thực hiện chuyển đổi toàn bộ diện tích rừng thuộc quyền quản lý của HTX sang rừng có chứng chỉ FSC, và chuyển hóa

từ rừng gỗ dăm sang rừng gỗ lớn; thường xuyên tuyên truyền, vận động thành viên của HTX tham gia sản xuất rừng theo tiêu chuẩn rừng có chứng chỉ.

PHẦN IV. HIỆU QUẢ TÁC ĐỘNG

1. Hiệu quả kinh tế

- Dự án đầu tư hạ tầng thiết yếu cho vùng nguyên liệu giúp giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản, từ đó tăng thu nhập cho người sản xuất. Hệ thống giao thông được cải tạo rút ngắn thời gian vận chuyển và giảm chi phí logistics; công trình đường lâm sinh được đầu tư sẽ làm giảm chi phí sản xuất, tăng giá bán sản phẩm gỗ lên gấp khoảng 1,5 lần so với khi chưa được đầu tư; thuận lợi cho việc chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng và công tác phòng cháy chữa cháy rừng hiệu quả.

- Dự án có tác động tích cực trực tiếp cho khoảng 18 HTX, 09 THT và hơn 3.685 hộ nông dân trồng rừng tham gia dự án, góp phần nâng cao thu nhập ổn định cho người dân một cách bền vững.- Nhờ vậy, dự án tạo chuyển biến rõ rệt trong hiệu quả kinh tế của HTX, THT và góp phần phát triển bền vững vùng nguyên liệu một cách bền vững.

2. Hiệu quả xã hội

Tạo việc làm ổn định; nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng nguyên liệu nhờ giảm chi phí đi lại và vận chuyển sản phẩm từ vùng sản xuất đến nơi tiêu thụ; phát triển kinh tế tập thể, HTX.

3. Hiệu quả môi trường

- Dự án chủ yếu cải tạo, nâng cấp trên nền các công trình hiện hữu (đường vận xuất sản phẩm lâm nghiệp, chăm sóc quản lý bảo vệ rừng), phạm vi GPMB rất nhỏ và khu vực xây dựng thưa dân cư, do đó tác động môi trường không đáng kể. Các ảnh hưởng tiêu cực chỉ xuất hiện tạm thời trong giai đoạn thi công, mang tính cục bộ như bụi, tiếng ồn, rung chấn, phát sinh rác thải xây dựng và nguy cơ mất an toàn lao động.

- Dự án hoàn thiện sẽ tạo điều kiện tốt cho công tác chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng; nâng cao hiệu quả phòng cháy chữa cháy rừng bền vững.

- Dự án trồng măng lục trúc theo tiêu chuẩn hữu cơ, chứng nhận VietGap là một trong những mô hình mang lại hiệu quả về môi trường trong sản xuất xanh, tuần hoàn.

4. Hiệu quả thể chế

Hình thành và chuẩn hóa mô hình quản trị vùng nguyên liệu; tăng hiệu lực quản lý nhà nước.

Phát huy hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn mới.

PHẦN V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quan tâm xem xét phê duyệt Đề án và bố trí vốn đầu tư; xem xét chuyển chủ đầu tư các hạng mục hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng vùng nguyên liệu (các tuyến đường lâm sinh) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng) tỉnh Quảng Trị thực hiện để đảm bảo thuận lợi và chủ động trong công tác triển khai thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh Quảng Trị chỉ đạo các sở, ngành và địa phương phối hợp triển khai thực hiện.

- Đề nghị UBND các xã nằm trong vùng dự án chủ động xây dựng phương án giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch để triển khai xây dựng dự án. Nhận tiếp nhận bàn giao sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; tăng cường công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình nhằm phát huy tối đa hiệu quả các công trình.

- Đề nghị doanh nghiệp, HTX, THT và người dân tích cực tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; phát huy hiệu quả của Đề án.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở, PGĐ: Trần Đình Hiệp (b/c);
- Các Phòng, Chi cục, đơn vị thuộc Sở;
- UBND các xã: Vĩnh Thủy; Cồn Tiên; Hiếu Giang; Triệu Phong; Hải Lăng; Diên Sanh; Nam Trạch; Hoàn Lão;
- Lưu VT, KTHT&QLCL.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đình Hiệp